**Ngày soạn : 27/ 1 /2024**

**Ngày dạy : 30/ 1/2024**

**MÔN TOÁN. TIẾT 107**

**LÀM TRÒN SỐ ĐẾN HÀNG NGHÌN, HÀNG CHỤC NGHÌN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết làm tròn và làm tròn được các số đến hàng nghìn, hàng chục nghìn.

- Vận dụng được cách làm tròn số trong một số trường hợp đơn giản.

 - Phát triển năng lực giải quyết vấn đề khi áp dụng yêu cầu làm tròn số trong các bài toán thực tế

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: Lấy ví dụ về các số tròn nghìn.+ Câu 2: Lấy ví dụ về các số tròn chục nghìn.- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới:GV cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:+ Có bao nhiêu người xem trên sân bóng?+ Làm tròn số 6349 đến hàng chục ta được số nào?+ Làm tròn số 6349 đến hàng chục ta được số nào?- Vậy làm tròn số 6349 đến hàng nghìn ta được số nào và cách làm ra sao chúng ta cùng tìm hiểu ví dụ số 1 | - HS tham gia trò chơi+ Trả lời:+ Trả lời:- HS lắng nghe.- HS quan sát tranh và trả lời:+ Có 6349 người xem+ Ta được số 6350+ Ta được số 6300 |
| **2. Khám phá (Làm việc cả lớp)****-** Mục tiêu: - Biết làm tròn và làm tròn được các số hàng nghìn. **-** Cách tiến hành: |
| **\*Ví dụ 1: Làm tròn các số 8100 và 8700 đến hàng nghìn** GV cho HS quan sát tia số:**+** Trên tia số có các số tròn nghìn nào?+ Số 8100 và 8700 nằm ở vị trí nào trên tia số?+ Số 8100 ở gần số tròn nghìn nào hơn?+ Vậy nếu ta làm tròn số 8100 đến hàng nghìn ta sẽ được số nào?+ Số 8700 ở gần số tròn nghìn nào hơn?+ Vậy nếu ta làm tròn số 8700 đến hàng nghìn ta sẽ được số nào?+ Cho HS thực hiện làm tròn đến hàng nghìn số 8200, 8300, 8600, 8800.**\*Ví dụ 2: Làm tròn số 2500 đến hàng nghìn.**GV cho HS quan sát tia số:+ Số 2500 ở gần số tròn nghìn nào hơn?+ Vậy nếu ta làm tròn số 2500 đến hàng nghìn ta sẽ được số nào?**-** GV chốt lại cách làm tròn đến hàng nghìn nhấn mạnh khi nào thì được làm tròn tiến và khi nào cần làm tròn lùi: Khi làm tròn số đến hàng nghìn, ta so sánh chữ số hàng trăm với 5. Nếu chữ số hàng trăm bé hơn 5 thì làm tròn xuống(lùi), còn lại thì làm tròn lên( tiến).+ Nếu làm tròn đến hàng nghìn số người xem bóng ta sẽ được số nào?**\* Luyện tâp:****Bài 1: ( làm việc nhóm đôi )**a) HS quan sát tia số, chỉ ra số tròn nghìn trên tia số- GV yêu cầu HS thực hiện trao đổi nhóm đôi theo gợi ý:+ Sô 3400 ở gần số tròn nghìn nào hơn?+ Vậy làm tròn đến hàng nghìn số 3400 ta được số nào?- Làm tương tự với phần b,c- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương.**Bài 2: ( Làm việc cá nhân)**- Gv cho HS quan sát và phân tích mẫu:+ Trên tia số có các số tròn chục nghìn nào?+ Các số 72 000, 75 000, 78 000 nằm ở vị trí nào trên tia số?+ Vậy số 72 000 làm tròn đến hàng chục nghìn ta được số nào?( Hướng dẫn HS làm tương tự như làm tròn số đến hàng nghìn)+ Vậy số 78 000 làm tròn đến hàng chục nghìn ta được số nào? Vì sao?+ Vậy số 75 000 làm tròn đến hàng chục nghìn ta được số nào? Vì sao?- GV nhận xét, chốt nội dung và nhấn mạnh khi nào thì được làm tròn lên và khi nào cần làm tròn xuống: Khi làm tròn số đến hàng chục nghìn, ta so sánh chữ số hàng nghìn với 5. Nếu chữ số hàng nghìn bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên. - Yêu cầu HS thực hiện cá nhân theo mẫu các yêu cầu của bài tập phần a,b, c.- GV Mời HS khác nhận xét.**-** GV nhận xét, tuyên dương. | - HS đọc yêu cầu bài tập- HS quan sát tia số và trả lời câu hỏi.+ HS: Số 8000 và 9000+ HS chỉ vị trí hai số: Số 8100 và 8700 nằm trong khoảng từ 8000 đến 9000.+ HS: Số 8000+ Vậy nếu ta làm tròn số 8100 đến hàng nghìn ta sẽ làm tròn lùi và được số 8000.+ HS: Số 9000+ Vậy nếu ta làm tròn số 8700 đến hàng nghìn ta sẽ làm tròn tiến và được số 9000.+ HS thực hiện.+ HS quan sát tia số + Số 2500 cách đều hai số 2000 và 3000.+ HS: Quy ước khi làm tròn số 2500 đến hàng nghìn ta được số 3000- HS đọc lại nhiều lần ghi nhớ.+ HS: Ta được số 6000.+ Các số tròn nghìn là: 3000 và 4000.- HS thực hiện và trao đổi kiểm tra kết quả.+ ở gần số 3000 hơn.+ Ta được số 3000.- HS trình bày KQ và giải thích cách làm:a) 3000b) 9000c) 4000+ HS quan sát và trả lời câu hỏi:+ HS: Có số 70 000 và 80 000+ HS chỉ vị trí các số: Số 72 000, 75 000 và 78 000 nằm trong khoảng từ 70 000 đến 80 000+ Số 72 000 làm tròn xuống thành 70 000 vì nó nằm gần số 70 000 hơn.+ Ta được số 80 000 vì trên tia số thì số 78 000 nằm gần số 80 000 hơn.+ Ta được số 80 000 vì số 75 000 nằm cách đều hai số tròn nghìn nên ta quy ước làm tròn lên 80 000.- HS lắng nghe và nhắc lại.- HS thực hiện cá nhân: nêu kết quả và giải thích cách làm.- Dự kiến KQ:a) 40 000b) 90 000c) 80000 |
| **3. Vận dụng.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| GV tổ chức trò chơi Ai nhanh, ai đúng...? để học sinh nhận biết các số làm tròn ở hàng nghìn, hàng chục nghìn: + Làm tròn các số sau đến hàng nghìn: 23 252, 45568; 55 555+ Làm tròn các số sau đến hàng chục nghìn: 52 232, 18 245; 9 856- Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia chơi trò chơi.- HS trả lời: ..... |
|  |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

......................................................................................................................................

......................................................................................................................................

......................................................................................................................................